

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA

Ngày 30/06/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	38.6%	-1.6%	6.6%

DT thuần Q2/25
1,212
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 440 57.0%
YoY: ▲ 99.0 8.9%

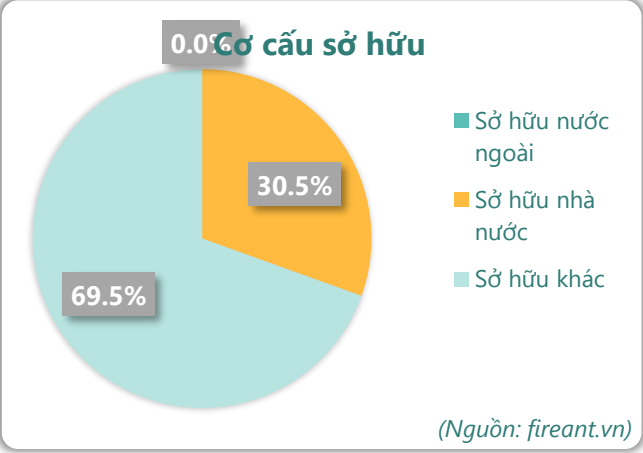
LN thuần Q2/25
9.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.62 -50.6%
YoY: ▲ 1.23 15.1%

LN sau thuế Q2/25
7.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.15 -51.6%
YoY: ▲ 0.64 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.8%
YoY: +/- ▼ 1.7%

ROE (TTM) Q2/25
28.6%
YoY: +/- ▲ 3.3%

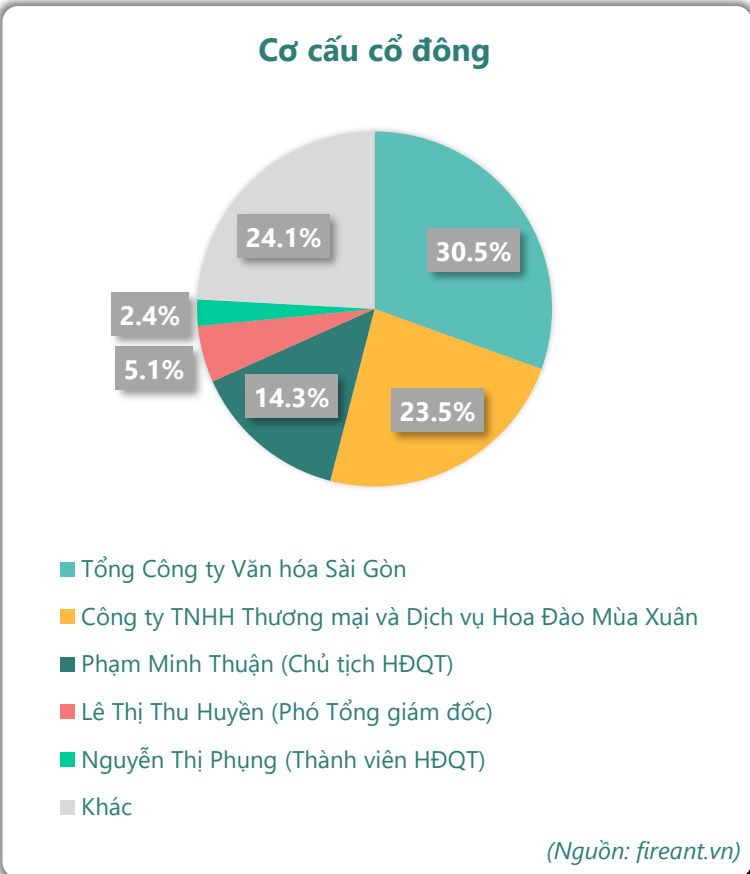
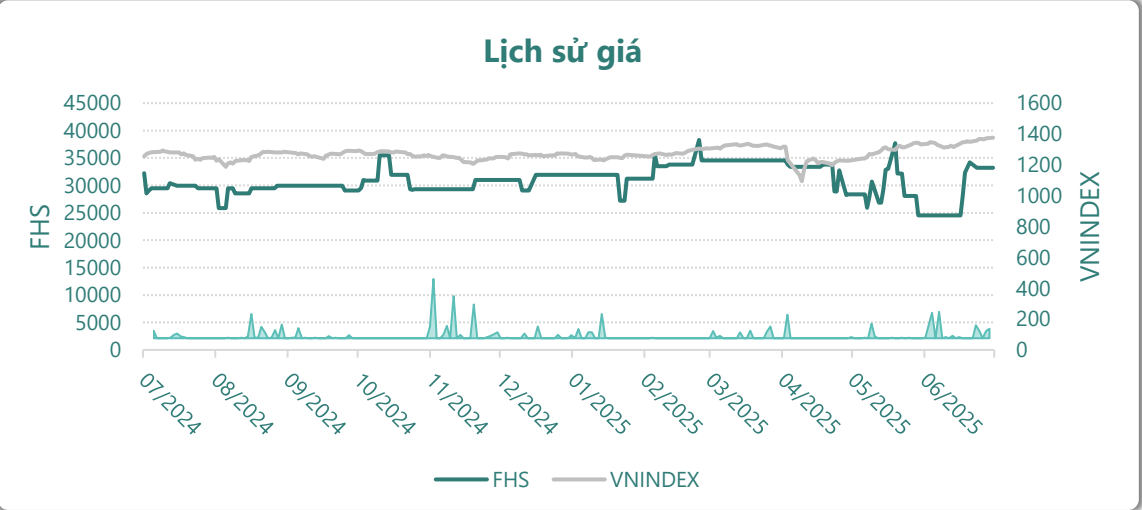
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,531 - 38,291
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	434
Số lượng CPLH (CP)	12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.05
EPS	4,563
P/E	7.5



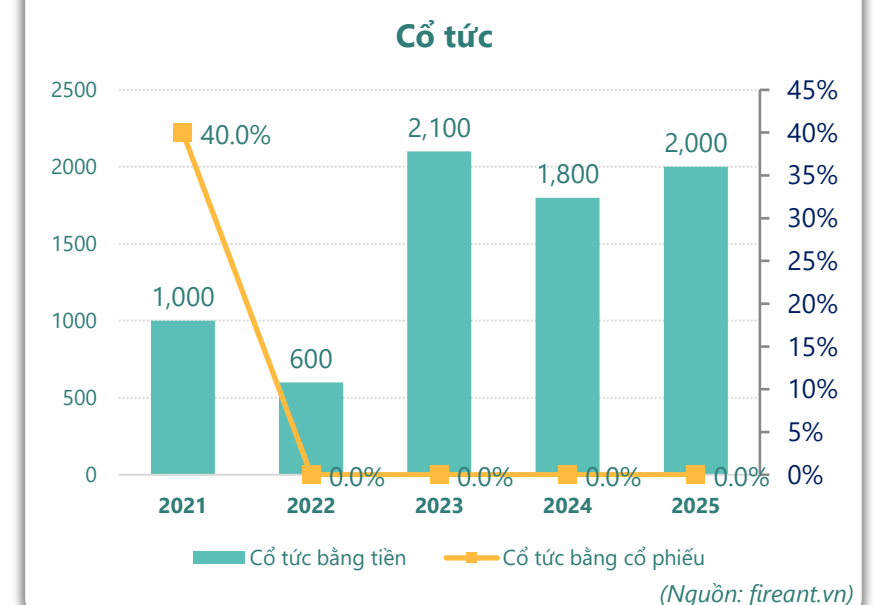
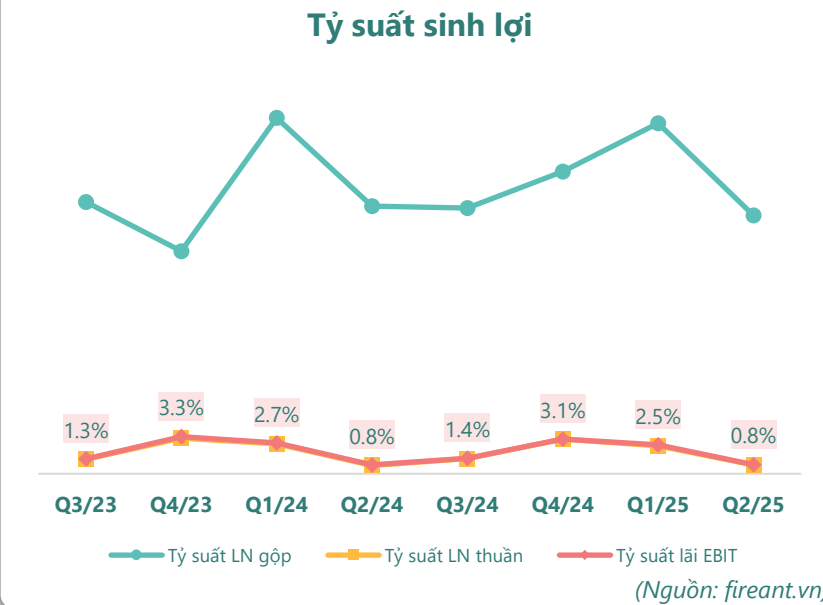
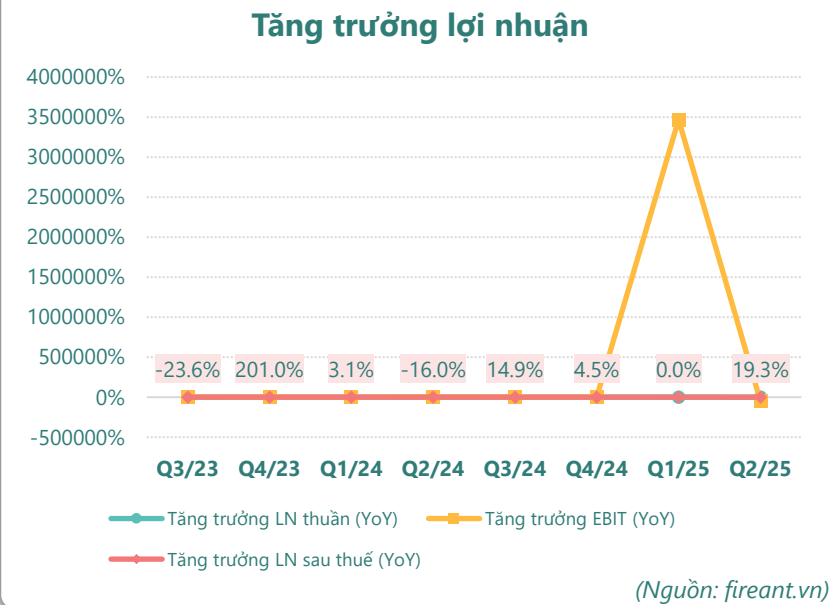
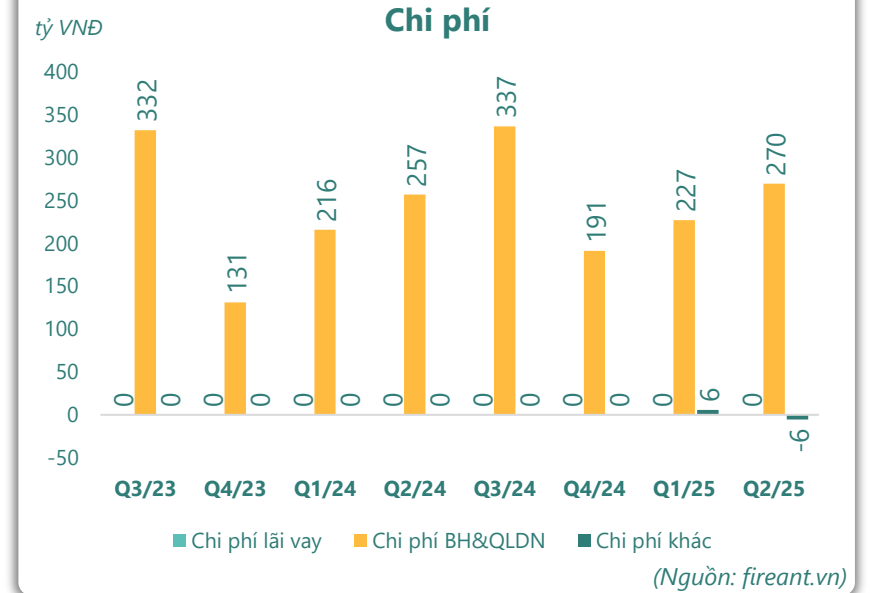
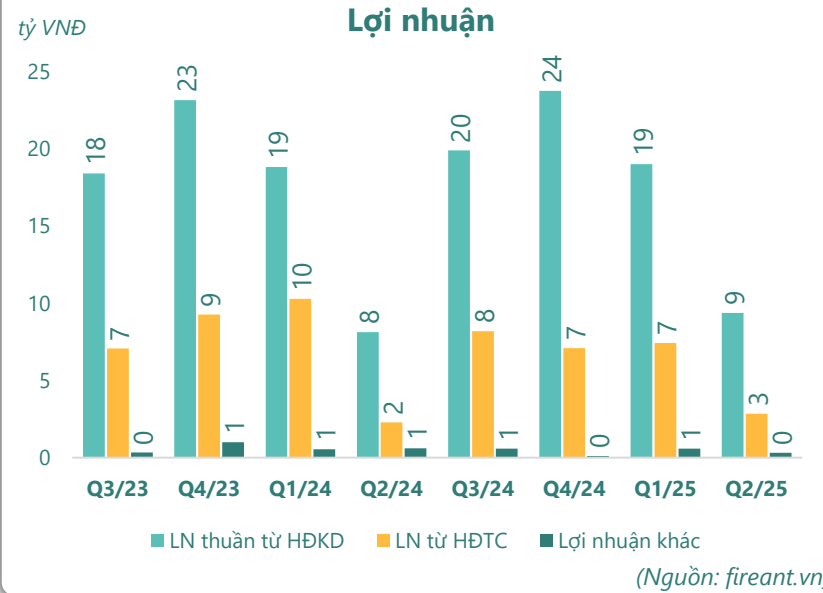
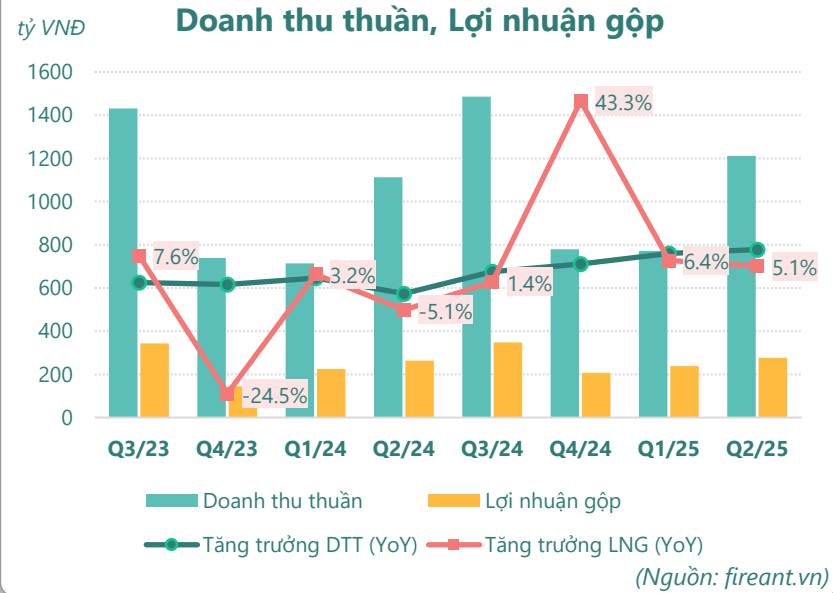
DT thuần 6T 2025
1,984
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 156 8.5%

LN thuần 6T 2025
28.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.40 5.3%

LN sau thuế 6T 2025
23.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00 4.1%



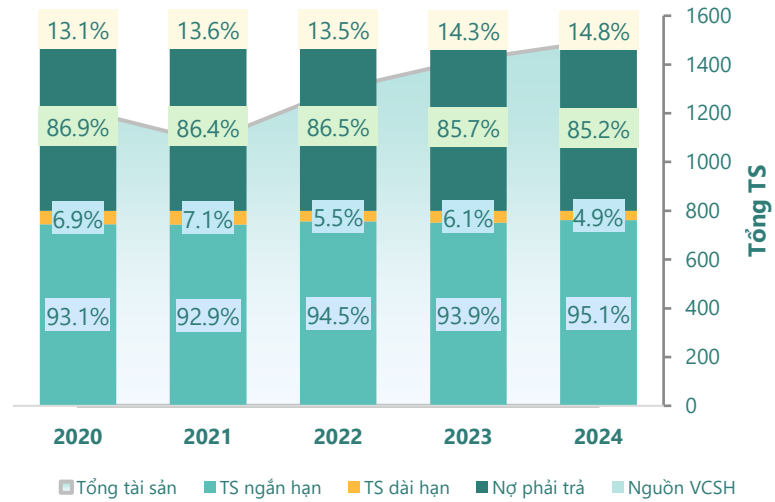
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

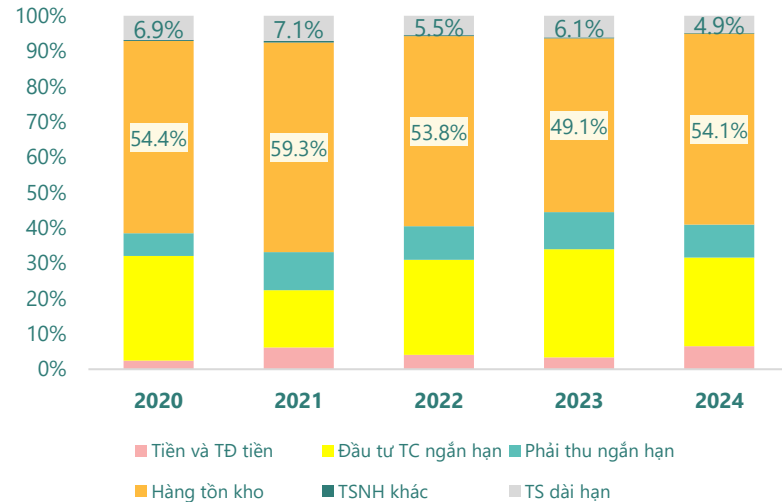
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

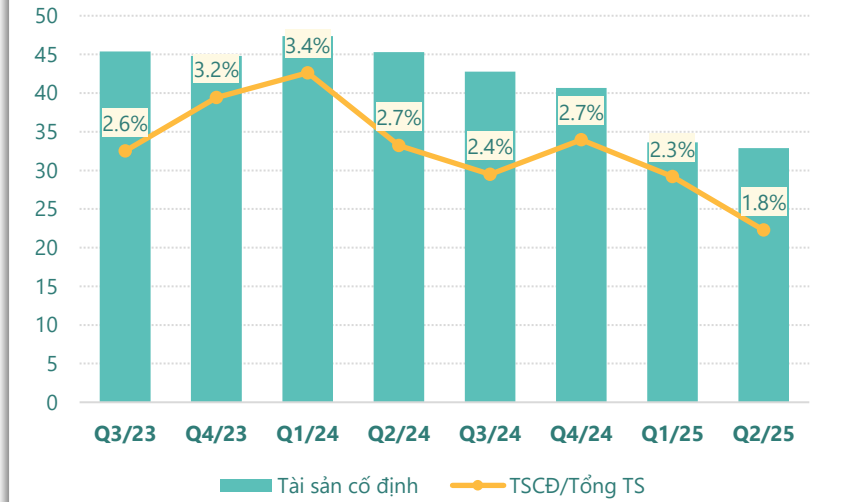
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

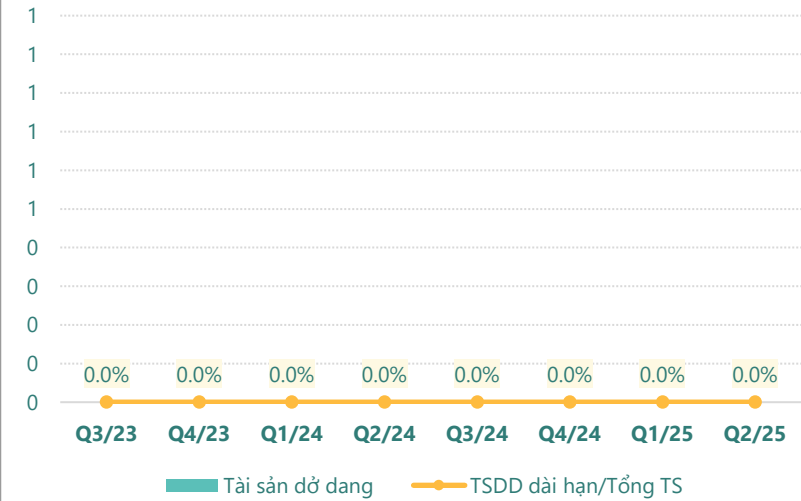
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

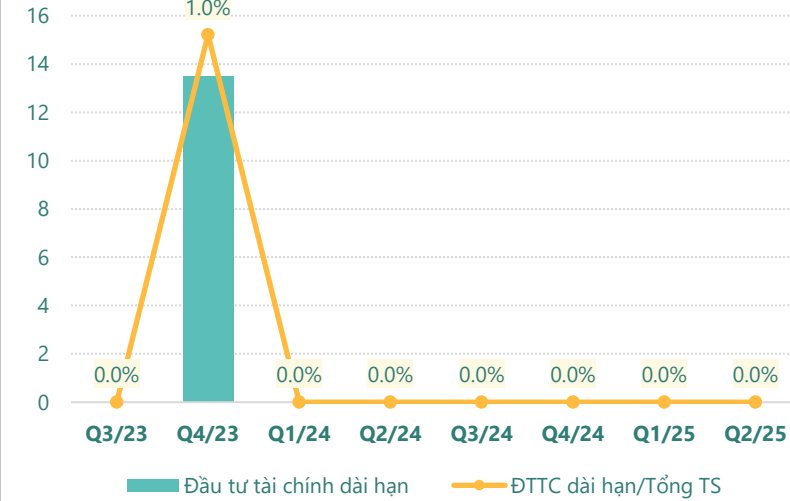
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

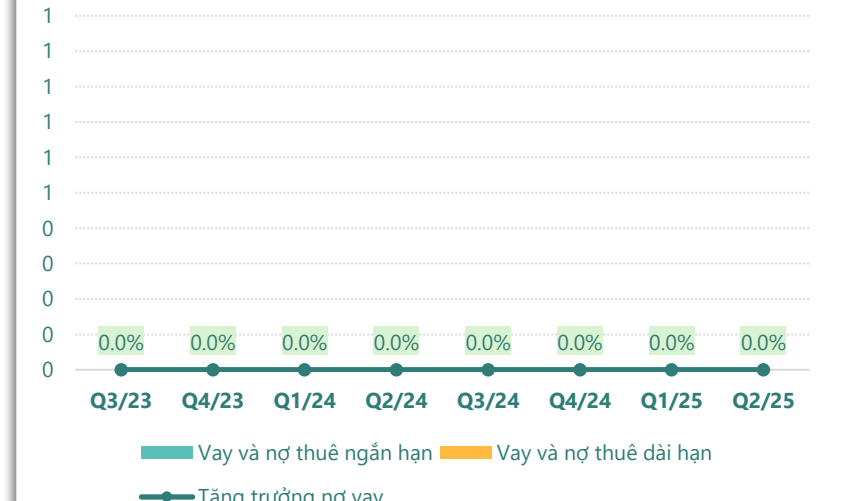
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

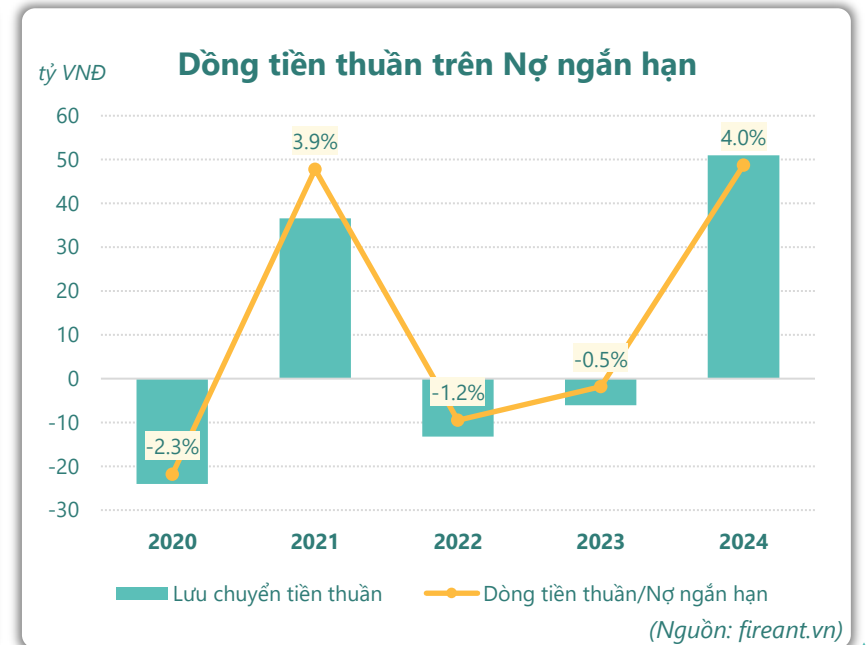
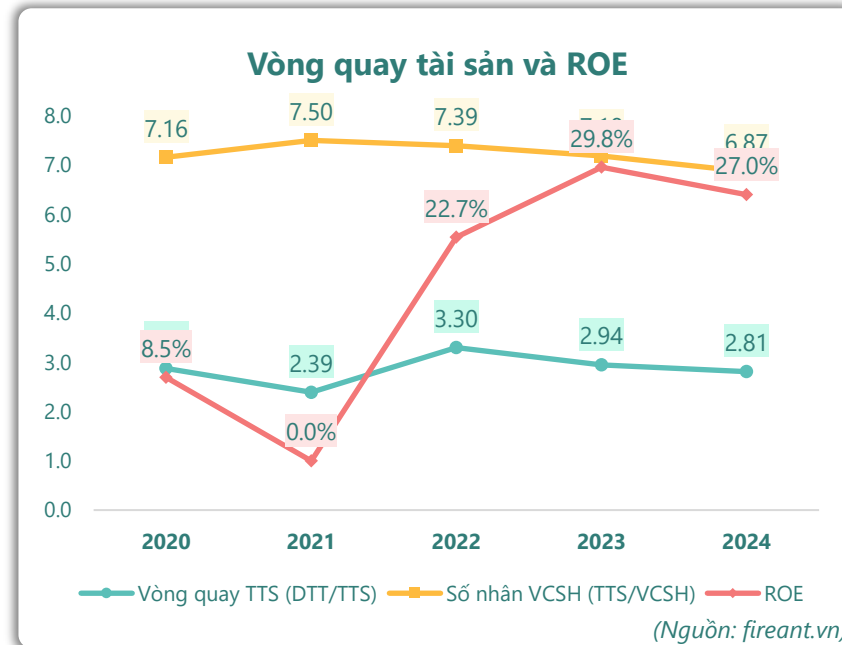
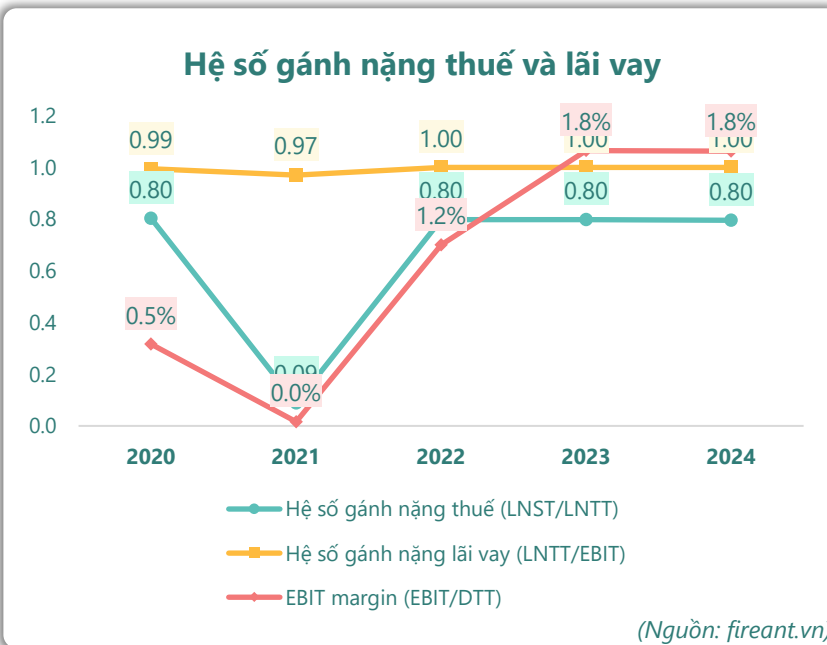
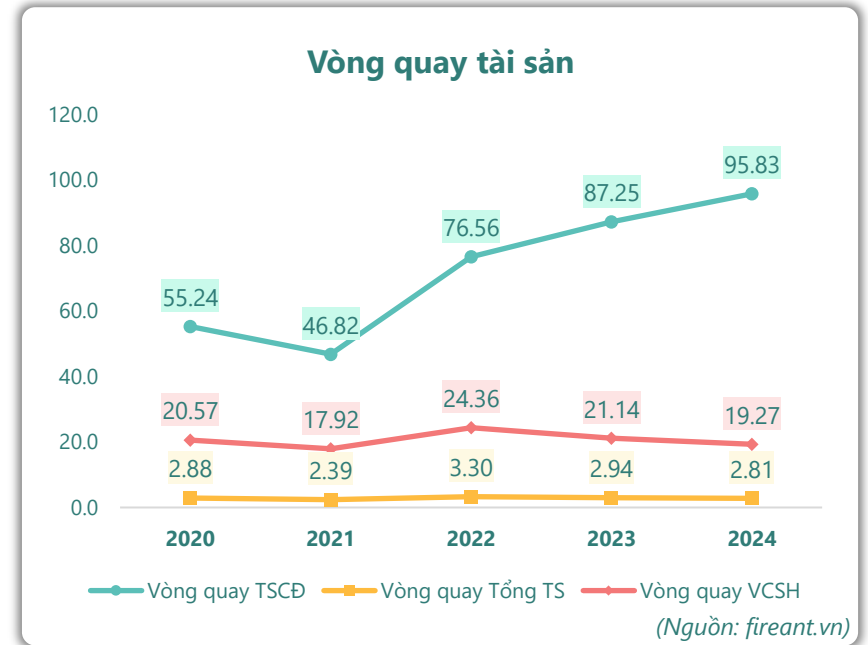
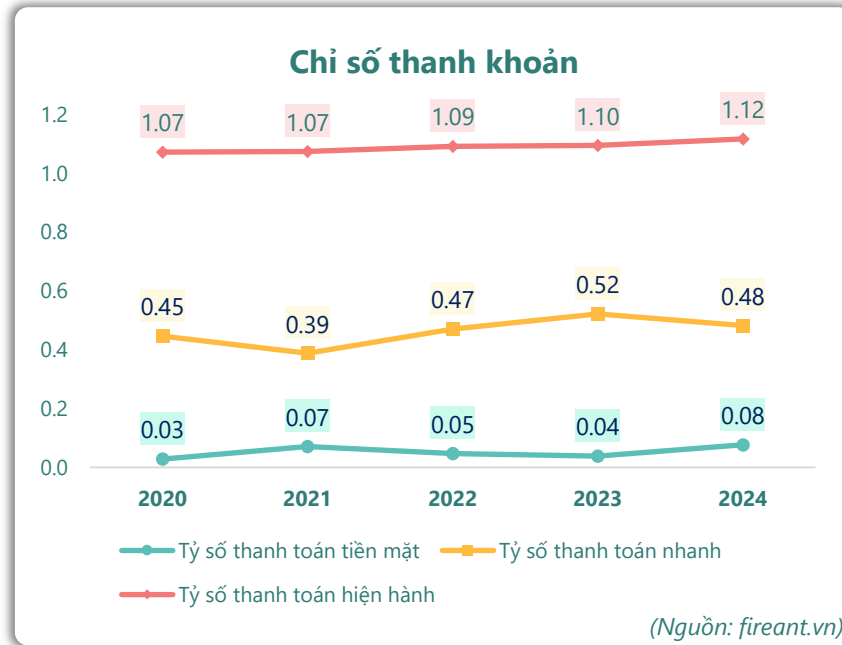
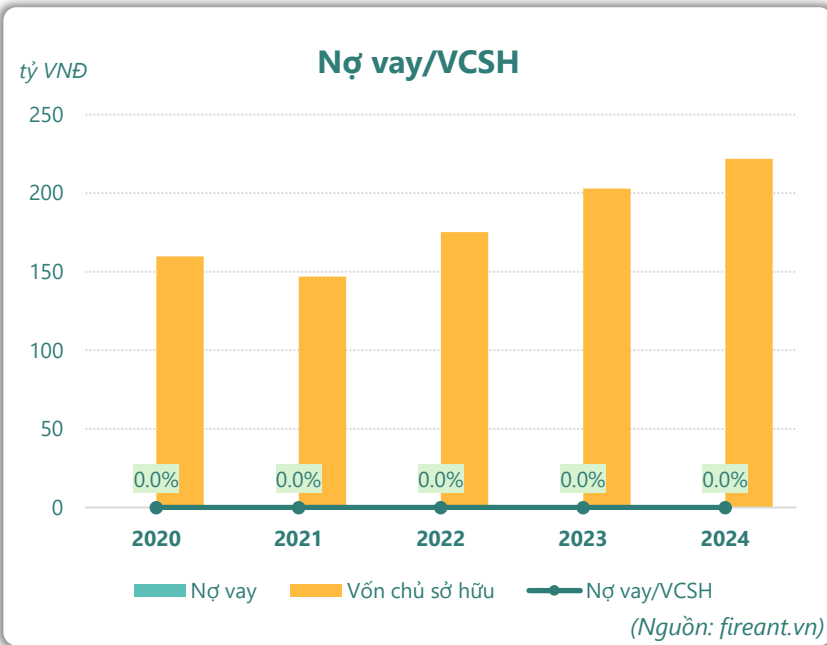
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,212	1,113	8.9%	1,984	1,828	8.5%
Giá vốn hàng bán	936	850	10.1%	1,469	1,340	9.6%
Lợi nhuận gộp	276	263	5.1%	515	487	5.7%
Doanh thu HĐTC	2.92	2.42	20.9%	10.4	12.7	-18.1%
Chi phí TC	0.08	0.14	-45.2%	0.14	0.17	-14.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	237	225	5.2%	441	420	5.0%
Chi phí QLDN	33.1	32.0	3.5%	55.7	52.6	5.8%
LN thuần từ HĐKD	9.38	8.15	15.1%	28.4	27.0	5.3%
Lợi nhuận khác	0.31	0.61	-48.4%	0.91	1.16	-22.1%
LN trước thuế	9.70	8.76	10.7%	29.3	28.1	4.1%
Lợi nhuận sau thuế	7.65	7.01	9.2%	23.5	22.5	4.1%
LNST của CĐ cty mẹ	7.59	7.04	7.8%	23.4	22.5	4.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-68.8	60.6	111	-122	-53.7	105
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	55.7	-21.7	-49.0	108	0.38	-19.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-15.3	-7.65	0	0	-15.3
Tiền đầu kỳ	47.0	34.0	57.6	112	98.0	44.7
Lưu chuyển tiền thuần	-13.0	23.6	54.0	-13.7	-53.3	70.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.0	57.6	112	98.0	44.7	115

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,846	1,497	23.3%
Tài sản ngắn hạn	1,780	1,424	25.0%
Tiền và tương đương tiền	115	98.0	17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	409	375	9.0%
Phải thu ngắn hạn	245	139	77.0%
Hàng tồn kho	1,006	809	24.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.46	3.05	13.4%
Tài sản dài hạn	66.8	72.9	-8.3%
Phải thu dài hạn	33.2	30.8	7.7%
Tài sản cố định	32.9	40.7	-19.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.77	1.43	-46.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,633	1,275	28.1%
Nợ ngắn hạn	1,633	1,275	28.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,471	1,125	30.8%
Nợ dài hạn	0.57	0.57	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	213	222	-4.0%
Vốn chủ sở hữu	213	222	-4.0%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

